

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025 - 2026
ĐỘ TUỔI 18 - 24 THÁNG
LỚP: NHÀ TRẺ C17

I. MỤC TIÊU, NỘI DUNG

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong tháng	Điều chỉnh, bổ sung
1. Lĩnh vực phát triển thể chất				
1	- Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.	* Trẻ 18 tháng - Cân nặng của trẻ + Trẻ trai: 8,8 - 13,7 kg + Trẻ gái: 8,1-13, 2kg; - Chiều cao của trẻ + Trẻ trai : 76,9 – 87,7 cm + Trẻ gái: 74,9 – 86,5 cm * Trẻ 24 tháng: - Cân nặng của trẻ + Trẻ trai đạt: 9,7-15,3kg + Trẻ gái đạt: 9,1-14,8 kg - Chiều cao của trẻ + Trẻ trai đạt: 81,7-93,9cm + Trẻ gái đạt: 80,0-92,9cm	5	
2	- Trẻ biết bắt chước một số động tác theo cô: Giơ cao tay đưa về phía trước - sang ngang.	- Hô hấp: Tập hít thở. - Tay: + 2 tay giơ cao + 2 tay đưa phía trước + 2 tay đưa sang ngang + 2 tay đưa ra sau - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước, đứng thẳng người lên + Nghiêng người sang 2 bên - Chân: + Dạng sang 2 bên + Ngồi xuống, đứng lên	9 - 5	
3	- Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi đi theo đường thẳng (ở trên sàn) hoặc cầm đồ vật nhỏ trên hai tay và đi hết đoạn đường 1,8-2 m	+ Đi theo hướng thẳng + Đi trong đường hẹp + Đi bước qua vật cản(cao 5cm) + <i>Đi bước qua gậy (dây)</i> + <i>Đi có mang vật trên tay</i> + Tập bước lên, xuống bậc thang	9, 11, 12, 2, 3, 5	
4	- Trẻ biết thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: Biết lăn - bắt bóng với cô	+ Ngồi lăn bóng với cô/bạn + <i>Lăn bóng qua cổng</i>	10, 5	

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong tháng	Điều chỉnh, bổ sung
5	- Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong bò, trườn chui qua vòng, qua vật cản.	- Tập bò, trườn + Bò tới đích + Trườn tới đích + <i>Trườn tới vật chuẩn</i> + <i>Bò qua vật cản</i> + Bò chui (dưới dây/gậy kê cao) + <i>Bò chui qua vòng</i>	9, 10, 12, 1, 3, 4	
6	- Trẻ có khả năng thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: Ném bằng một tay lên phía trước được khoảng 1,2 m; đá bóng lăn xa lên trước tối thiểu 1,5 m.	- Tập tung, ném: + Đứng tung bóng qua dây + Đứng ném bóng qua dây + <i>Ném bóng bằng 1 tay</i> + <i>Đá bóng lăn xa lên trước 1,5m.</i>	11, 1, 2, 4	
7	- Trẻ nhặt được các vật nhỏ bằng 2 ngón tay.	- Co, duỗi ngón tay, đan ngón tay. - Cầm, bóp, gõ, đóng đồ vật. - Vạch các nét nguệch ngoạc bằng ngón tay.	9 - 5	
8	- Trẻ biết tháo lắp, lồng được 3- 4 hộp tròn.	- Tháo lắp, lồng hộp tròn, vuông. - Đóng mở nắp có ren.	9, 10, 2, 1	
9	- Trẻ xếp chồng được 2- 3 khối trụ	- Xếp chồng 4 - 5 khối. - <i>Xếp chồng được 2- 3 khối trụ</i>	10, 5	
10	- Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm nát, có thể ăn được các loại thức ăn khác nhau.	- Làm quen với chế độ ăn cơm nát và các loại thức ăn khác nhau.	9, 10, 11	
11	- Trẻ ngủ 1 giấc buổi trưa.	- Làm quen chế độ ngủ 1 giấc.	9, 10, 11	
12	- Trẻ biết “gọi” người lớn khi có nhu cầu đi vệ sinh	- Tập một số thói quen vệ sinh tốt: + Rửa tay trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh. + “Gọi” cô khi bị ướt, bị bẩn.	12, 1	
13	- Trẻ có thể làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (ngồi vào bàn ăn, cầm thìa xúc ăn, cầm cốc uống nước).	- Tập tự xúc ăn bằng thìa, uống nước bằng cốc. - Tập ngồi vào bàn ăn. - Tập thể hiện khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. - Tập ra ngồi bô khi có nhu cầu vệ sinh. - Làm quen với rửa tay, lau mặt	9, 10, 11	

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong tháng	Điều chỉnh, bổ sung
14	- Trẻ biết tránh vật dụng, nơi nguy hiểm (phích nước nóng, bàn là, bếp đang đun...) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần.	9, 11, 5	
15	- Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm (Sờ vào ổ điện, leo trèo lên bàn, ghế...) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh.	12, 1, 3, 4	
2. Lĩnh vực phát triển nhận thức				
16	- Trẻ biết sờ nắn, nhìn, nghe... để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Tìm đồ chơi vừa mới cất giấu. - Nghe âm thanh và tìm nơi phát ra âm thanh - Ném vị 1 số loại quả, thức ăn - Sờ nắn, lắc, gõ đồ chơi và nghe âm thanh - Ngửi mùi của 1 số hoa, quả quen thuộc, gần gũi. - Gõ đồ chơi và nghe âm thanh to nhỏ để nhận biết đồ vật quen thuộc	9 - 5	
17	- Trẻ biết chỉ hoặc nói được tên của mình, những người gần gũi khi được hỏi. - Trẻ biết bắt chước hành động đơn giản của những người thân	- Tên của bản thân - Hình ảnh của bản thân trong gương bé trai, bé gái - Tên của một số người thân gần gũi trong gia đình, nhóm lớp. - <i>Bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi.</i>	9, 10, 11	
18	- Trẻ biết chỉ vào hoặc nói tên một vài bộ phận trên cơ thể của người khi được hỏi.	- Tên một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân.	10	
19	- Trẻ biết chỉ / lấy / nói tên đồ dùng, đồ chơi, hoa quả, con vật quen thuộc theo yêu cầu của người lớn.	- Tên, đặc điểm nổi bật của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - Đồ chơi, đồ dùng của bản thân. - Tên và một vài đặc điểm nổi bật của con vật, quả quen thuộc. - Tên của phương tiện giao thông gần gũi.	11 - 5	

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong tháng	Điều chỉnh, bổ sung
20	- Trẻ biết chỉ hoặc lấy được đồ chơi có màu đỏ hoặc xanh theo yêu cầu hoặc gợi ý của người lớn.	- Màu đỏ, xanh. - Kích thước to - nhỏ.	11, 5	
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ				
21	- Trẻ có thể thực hiện được các yêu cầu đơn giản: đi đến đây; đi rửa tay....	- Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc. - Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau.	2 - 5	
22	- Trẻ có thể hiểu được từ “không”: dừng hành động khi nghe “không được lấy!”; “không được sờ!”...	- Nghe và thực hiện một số yêu cầu bằng lời nói.	1 - 4	
23	- Trẻ biết trả lời được câu hỏi đơn giản: “Ai đây?”; “con gì đây?”; “cái gì đây?”.....	- Nghe các câu hỏi: “ Ở đâu?”; “Con gì?”; “... thế nào?” (“Gà gáy thế nào?”); “ Cái gì?”; “ Làm gì?”. - Trả lời và đặt câu hỏi: “con gì?”; “ Cái gì?”; “ Làm gì?”.	3 - 5	
24	- Trẻ có thể nhắc lại được từ ngữ và câu ngắn: Con vịt, vịt bơi, bé đi chơi...	- Gọi tên các đồ vật, con vật, hành động gần gũi. - Mở sách, xem tranh và chỉ vào các nhân vật, sự vật trong tranh.	9 - 5	
25	- Trẻ có khả năng đọc tiếp được tiếng cuối của câu thơ khi nghe các bài thơ quen thuộc.	- Đọc theo, đọc tiếp cùng cô tiếng cuối của câu thơ. - Nghe các bài hát, bài thơ, đồng dao, ca dao, truyện kể đơn giản theo tranh.	9 - 5	
26	- Trẻ nói được câu đơn 2-3 tiếng: con đi chơi; bóng đá; mẹ đi làm... - Trẻ biết chủ động nói nhu cầu, mong muốn của bản thân (cháu uống nước, cháu muốn...)	- Phát âm các âm khác nhau. - Thể hiện nhu cầu, mong muốn của mình bằng câu đơn giản.	2 - 4	
4. Lĩnh vực giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ				
27	- Trẻ có khả năng nhận ra bản thân trong gương,	- Nhận biết tên gọi, hình ảnh bản thân.	10	

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong tháng	Điều chỉnh, bổ sung
	trong ảnh (chỉ vào hình ảnh của mình trong gương khi được hỏi).			
28	- Trẻ biết biểu lộ sự thích giao tiếp bằng cử chỉ, lời nói với những người gần gũi.	- Giao tiếp với cô và bạn.	12, 3, 4	
29	- Trẻ cảm nhận và biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi của mình với người xung quanh.	- Biểu lộ cảm xúc khác nhau với những người xung quanh.	12	
30	- Trẻ thích chơi với đồ chơi, có đồ chơi yêu thích và quan sát một số con vật. - Trẻ biết bắt chước được một vài hành vi xã hội (bế búp bê, cho búp bê ăn, nghe điện thoại...).	- Quan tâm đến các vật nuôi. - Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Bắt chước được một vài hành vi xã hội (bế búp bê, cho búp bê ăn, nghe điện thoại...).	9 - 5	
31	- Trẻ biết chào tạm biệt khi được nhắc nhở.	- Tập thực hiện một số hành vi giao tiếp, như: chào, tạm biệt, cảm ơn. Nói từ “ạ”, “dạ”.	12, 2	
32	- Trẻ biết làm theo một số yêu cầu đơn giản của người lớn.	- Thực hiện yêu cầu đơn giản của người lớn.	3 - 4	
33	- Trẻ thích nghe hát và vận động theo nhạc (giậm chân, lắc lư, vỗ tay...).	- Nghe hát, nghe nhạc, nghe âm thanh của các nhạc cụ. - Hát theo và tập vận động đơn giản theo nhạc.	9 - 5	
34	- Trẻ thích vẽ, thích xem tranh.	- Tập cầm bút vẽ. - Xem tranh.	9 - 5	

II. DỰ KIẾN THỜI GIAN THỰC HIỆN

Tháng	Số Tuần	Thời gian	Lễ hội	Điều chỉnh bổ sung
9 - 10	Ổn định lớp, rèn nề nếp cho trẻ	(Từ ngày 3/9 -> 12/9)		
	1	15/9 ->19/9/2025	Tết trung thu	
	2	22/9 ->26/9/2025		
	3	29/9->03/10/2025		
	4	06/10->10/10/2025		
10 - 11	5	13/10->17/10/2025		
	6	20/10->24/10/2025		
	7	27/10->31/10/2025		
	8	03/11->07/11/2025		
11 - 12	9	10/11->14/11/2025	Ngày 20/11	
	10	17/11->21/11/2025		
	11	24/11->28/11/2025		
	12	01/12->05/12/2025		
12	13	08/12->12/12/2025		
	14	15/12->19/12/2025		
	15	22/12->26/12/2025	Tết dương lịch	
	16	29/12/25-> 02/01/2026		
1	17	05/01-> 09/01/2026		
	18	12/01-> 16/01/2026		
	19	19/01->23/01/2026		
	20	26/01->30/01/2026		
2 - 3	21	02/02-> 06/02/2026		
	22	09/02-> 13/02/2026		
		(Từ ngày 16/2 – 20/2) Nghỉ tết nguyên đán	Tết nguyên đán	
	23	(Từ ngày 23/2 - 27/2)		
	24	02/03->06/03/2026	Ngày 8/3	
3 - 4	25	09/03->13/03/2026		

	26	16/03->20/03/2026	Lễ hội hoa ban	
	27	23/03->27/03/2026		
	28	30/03->03/04/2026		
4 - 5	29	06/04->10/04/2026		
	30	13/04->17/04/2026		
	31	20/04->24/04/2026		
		Từ ngày 27/4- 1/5/2026)	Nghỉ bù ngày 10/3 và ngày 30/4; 1/5	
	32	04/05->08/05/2026		
5	33	11/05-> 15/05/2026		
	34	18/05->22/05/2026		
	35	25/05->29/05/2026		

Ngày 27 tháng 8 năm 2025
Ban giám hiệu ký duyệt

Đặng Thị Thái Hà

